

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2022/HS-ST.
Ngày 27/7/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH TUYỀN QUANG.

- Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Bích

2. Ông Hoàng Văn Thiết

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hoàng Kỳ Khôi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyền Quang mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 47/2022/TLST-HS, ngày 05 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST-HS, ngày 15 tháng 7 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị H**, sinh ngày 22/11/1968;

Nơi ĐKKTT và nơi ở: Thôn Cây Vải, xã T, huyện H, tỉnh Tuyền Quang;

Dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; con ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1940 (đã chết) và bà Phan Thị Q, sinh năm 1933; anh, chị, em ruột: Có 06 người, bị cáo là thứ 05; cH: Đỗ Hữu Trí, sinh năm 1970; con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 1994 nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/01/2021 đến ngày 30/4/2021, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Có mặt tại phiên tòa).

** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn 1 An Thạch, xã T, huyện H, tỉnh Tuyền Quang.

- Ông Ngô Quang K, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn Đồng Chùa, xã T, huyện H, tỉnh Tuyền Quang.

- Ông Trần Quang T, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn Cây Chanh 1, xã Đ, huyện H, tỉnh Tuyền Quang.

- Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn Tân Thành, xã T, huyện H, tỉnh Tuyền Quang.

- Ông Vũ Viết Diễn, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn Lũ Khê, xã T, huyện H, tỉnh

Tuyên Quang.

- Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn Làng Mãn 1, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn 4 Thái Bình, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Bà Bùi Minh Y, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ dân phố Tân Bắc, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn Tân Khoa, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Bà Nguyễn Thị H L, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn Gạo Đình, xã Đ, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Bà Lê Thị Kim H, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn Làng Mãn 1, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Bà Lâm Tâm T, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn Tân Khoa, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Bà Trương Bích T, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Bà Trần Thị V, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn Cây Xoan, xã Đ, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Bà Đặng Thị S, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn Khe Mon, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Bà V có mặt tại phiên tòa; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ ngày 23/01/2019 đến ngày 31/01/2021, trên địa bàn huyện H, tỉnh Tuyên Quang, Nguyễn Thị H sinh năm 1968, trú tại thôn Cây Vải, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang đã có hành vi cho vay tiền, thu lãi nặng trong giao dịch dân sự với hình thức, H chuẩn bị sẵn các “GIẤY BIÊN NHẬN VAY TIỀN” bên vay để trống thông tin, bên cho vay in sẵn tên Nguyễn Thị H và Đỗ Hữu Trí (cH H), khi những người vay tiền có nhu cầu vay tiền thì H yêu cầu những người vay tiền tự viết nội dung vay tiền nhưng không được viết phần lãi suất và ký xác nhận vào “GIẤY BIÊN NHẬN VAY TIỀN” do H chuẩn bị, còn bản thân H không ký vào các “GIẤY BIÊN NHẬN VAY TIỀN” này. H là người trực tiếp quản lý sổ sách và thực hiện hoạt động cho vay tiền. Nếu người vay không trả tiền đúng hạn thì H gọi điện thoại thúc giục, gây sức ép yêu cầu trả tiền đúng hạn. Đã có 15 người vay tiền H thu lãi nặng, cụ thể:

Người thứ 1: Nguyễn Thị X, sinh năm 1967, trú tại thôn 1 An Thạch, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Ngày 23/01/2019, Nguyễn Thị X vay số tiền 400.000.000 đồng của H thỏa thuận lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/01ngày tương đương 182,5%/năm (gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự) mục đích để đầu tư kinh doanh. Đến ngày 25/01/2019, Xoan trả số tiền 400.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi theo thỏa thuận của 02 ngày là 4.000.000 đồng nhưng Xoan mới trả 3.000.000

đồng tiền lãi, trong đó: Số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 438.356 đồng; Số tiền lãi thu lợi bất chính là 2.561.644 đồng.

Người thứ 2: Ngô Quang K, sinh năm 1976, trú tại thôn Đồng Chùa, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Ngày 30/5/2019, Ngô Quang K vay số tiền 350.000.000 đồng của H thỏa thuận lãi suất 3.000đồng/1.000.000đồng/01ngày, tương đương 109,5%/năm (gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự) mục đích để trả nợ ngân hàng. Đến ngày 05/06/2019, K trả số tiền 350.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi theo thỏa thuận của 06 ngày là 6.300.000 đồng nhưng K mới trả 2.750.000 đồng tiền lãi, trong đó: Số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 1.150.685 đồng; Số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.599.315 đồng.

Người thứ 3: Trần Quang T, sinh năm 1984, trú tại thôn Cây Chanh 1, xã Đ, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Ngày 16/8/2019, Trần Quang T vay số tiền 50.000.000 đồng của H thỏa thuận lãi suất 4.000đồng/1.000.000đồng/01ngày tương đương 146%/năm (gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự) mục đích đầu tư kinh doanh. Đến ngày 23/10/2019, tiền lãi theo thỏa thuận của 68 ngày là 13.600.000 đồng, nhưng Trung trả số tiền 13.000.000 đồng tiền lãi, trong đó: Số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 1.863.014 đồng; Số tiền lãi thu lợi bất chính là 11.136.986 đồng. H không tiếp tục tính lãi, ngày 26/01/2021, Trung đã trả hết 50.000.000 đồng tiền gốc cho H.

Người thứ 4: Nguyễn Thị B, sinh năm 1970, trú tại thôn Tân Thành, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Ngày 26/8/2019, Nguyễn Thị B vay số tiền 300.000.000 đồng của H thỏa thuận lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/01ngày tương đương 182,5%/năm (gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự) mục đích trả nợ tiền vay của ngân hàng. Đến ngày 28/8/2019, Bích trả số tiền 300.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi theo thỏa thuận của 02 ngày là 3.000.000 đồng nhưng B mới trả 1.500.000 đồng tiền lãi, trong đó: Số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 328.767 đồng; Số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.171.233 đồng.

Người thứ 5: Vũ Viết Diễn, sinh năm 1986, trú tại thôn Lũ Khê, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang

Ngày 14/10/2019, Vũ Viết Diễn vay số tiền 20.000.000 đồng của H thỏa thuận lãi suất 4.000đồng/1.000.000đồng/01ngày tương đương 146%/năm (gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự) mục đích trả nợ và chi tiêu cá nhân. Đến ngày 24/10/2019, D trả số tiền 20.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi theo thỏa thuận của 10 ngày là 800.000 đồng nhưng Diễn trả 880.000 đồng tiền lãi, trong đó: Số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 109.589 đồng; Số tiền lãi thu lợi bất chính là 770.411 đồng.

Người thứ 6: Trịnh Thị H, sinh năm 1959, trú tại thôn Làng Mãn 1, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Ngày 31/10/2019, Trịnh Thị H vay số tiền 160.000.000 đồng của H thỏa thuận lãi suất 3.000đồng/1.000.000đồng/01ngày tương đương 109,5%/năm (gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự) mục đích để đầu tư kinh

doanh. Đến ngày 01/11/2019, Hợp trả số tiền 160.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi theo thỏa thuận của 01 ngày là 480.000 đồng nhưng H trả 800.000 đồng tiền lãi, trong đó: Số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 87.671 đồng; Số tiền lãi thu lợi bất chính là 712.329 đồng.

Người thứ 7: Đặng Thị S, sinh năm 1980, trú tại thôn Khe Mon, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Ngày 01/11/2019, Đặng Thị S vay số tiền 25.000.000 đồng của H thỏa thuận lãi suất là 4.000đồng/1.000.000đồng/01ngày tương đương 146%/năm (gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự) mục đích trả nợ tiền vay của ngân hàng. Đến ngày 19/11/2019, Sen trả số tiền 25.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi theo thỏa thuận của 18 ngày là 1.800.000 đồng nhưng S trả 1.900.000 đồng tiền lãi, trong đó: Số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 246.575 đồng; Số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.653.425 đồng.

Ngày 25/12/2019, Đặng Thị S vay số tiền 25.000.000 đồng của H thỏa thuận lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/01ngày tương đương 182,5%/năm (gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự) mục đích trả nợ tiền vay của ngân hàng. Đến ngày 16/01/2020, Sen trả số tiền 25.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi theo thỏa thuận của 22 ngày là 2.750.000 đồng nhưng Sen trả 2.875.000 đồng tiền lãi, trong đó: Số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 301.370 đồng; Số tiền lãi thu lợi bất chính là 2.573.630 đồng.

Người thứ 8: Nguyễn Văn T, sinh năm 1982, trú tại thôn 4 Thái Bình, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Ngày 07/11/2019, Nguyễn Văn T vay số tiền 30.000.000 đồng của H thỏa thuận lãi suất là 4.000đồng/1.000.000đồng/01ngày tương đương 146%/năm (gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự) mục đích để đầu tư kinh doanh. Đến ngày 06/3/2020, tiền lãi theo thỏa thuận của 120 ngày là 14.400.000 đồng, nhưng T trả số tiền 12.000.000 đồng tiền lãi, trong đó: Số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 1.972.603 đồng; Số tiền lãi thu lợi bất chính là 10.027.397 đồng. Số tiền gốc T chưa trả.

Người thứ 9: Bùi Minh Y, sinh năm 1983, trú tại tổ dân phố Tân Bắc, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Ngày 21/11/2019, Bùi Minh Y vay số tiền 400.000.000 đồng của H thỏa thuận lãi suất là 5.000đồng/1.000.000đồng/01ngày tương đương 182,5%/năm (gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự) mục đích đầu tư kinh doanh. Đến ngày 24/11/2019, Y trả số tiền 400.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo thỏa thuận của 03 ngày là 6.000.000 đồng, Y đã trả đủ, trong đó: Số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 657.534 đồng; Số tiền lãi thu lợi bất chính là 5.342.466 đồng.

Người thứ 10: Đoàn Thị T, sinh năm 1986, trú tại thôn Làng Mãn 1, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Ngày 02/12/2019, Đoàn Thị T vay số tiền 160.000.000 đồng của H thỏa thuận lãi suất 3.000đồng/1.000.000đồng/01ngày tương đương 109,5%/năm (gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự) mục đích để đầu tư kinh doanh. Đến ngày 03/12/2019, Thom trả số tiền 160.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi theo thỏa thuận

của 01 ngày là 480.000 đồng nhưng Thom trả 950.000 đồng tiền lãi, trong đó: Số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 87.671 đồng; Số tiền lãi thu lợi bất chính là 862.329 đồng.

Người thứ 11: Nguyễn Thị H L, sinh năm 1978, trú tại thôn Gạo Đình, xã Đ, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Ngày 24/01/2020, Nguyễn Thị H L vay số tiền 198.000.000 đồng của H thỏa thuận lãi suất 4.000đồng/1.000.000đồng/01ngày tương đương 146%/năm (gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự) mục đích trả tiền nợ ngân hàng. Đến ngày 28/01/2020, Lý trả số tiền 198.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi theo thỏa thuận của 04 ngày là 3.168.000 đồng, nhưng Lý trả 1.200.000 đồng tiền lãi, trong đó: Số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 433.973 đồng; Số tiền lãi thu lợi bất chính là 766.028 đồng.

Người thứ 12: Lê Thị Kim H, sinh năm 1990, trú tại thôn Làng Mãn 1, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Ngày 03/5/2020, Lê Thị Kim H vay số tiền 20.000.000 đồng của H thỏa thuận lãi suất là 4.000đồng/1.000.000đồng/01ngày tương đương 146%/năm (gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự) mục đích để đầu tư kinh doanh. Đến ngày 03/7/2020, tiền lãi theo thỏa thuận của 61 ngày là 4.880.000 đồng, nhưng Huyền trả 4.800.000 đồng tiền lãi, trong đó: Số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 668.493 đồng; Số tiền lãi thu lợi bất chính là 4.131.507 đồng. H không tiếp tục tính lãi. Số tiền gốc 20.000.000 đồng, Huyền đã trả hết cho H (không xác định được thời gian trả).

Người thứ 13: Lâm Tâm T, sinh năm 1986, trú tại thôn Tân Khoa, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang

Ngày 19/6/2020, Lâm Tâm T vay số tiền 45.000.000 đồng của H thỏa thuận lãi suất là 4.000đồng/1.000.000đồng/01ngày tương đương 146%/năm (gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự) mục đích để đầu tư kinh doanh. Đến ngày 19/11/2020, tiền lãi theo thỏa thuận của 153 ngày là 27.540.000 đồng, nhưng Thương trả 21.000.000 đồng tiền lãi, đưa cho Đỗ Hữu H, sinh năm 1996 (*con trai H, H không biết việc H cho vay lãi nặng*) số tiền này H đã đưa cho H, trong đó: Số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 3.772.603 đồng; Số tiền lãi thu lợi bất chính là 17.227.397 đồng. H không tiếp tục tính lãi, ngày 24/01/2021, Thương đã trả hết 45.000.000 đồng tiền gốc cho H.

Người thứ 14: Trương Bích T, sinh năm 1986, trú tại Tổ dân phố C, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Ngày 07/12/2020, Trương Bích T vay số tiền 200.000.000 đồng của H thỏa thuận lãi suất là 5.000đồng/1.000.000đồng/01ngày tương đương 182,5%/năm (gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự) mục đích đầu tư kinh doanh. Đến ngày 10/12/2020, Thủy trả số tiền 200.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi theo thỏa thuận của 03 ngày là 3.000.000 đồng, nhưng T trả 4.000.000 đồng tiền lãi, trong đó: Số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 328.767 đồng; Số tiền lãi thu lợi bất chính là 3.671.233 đồng.

Người thứ 15: Trần Thị V, sinh năm 1970, trú tại thôn Cây Xoan, xã Đ, huyện H, tỉnh Tuyên Quang

Ngày 25/01/2019, Trần Thị V vay số tiền 100.000.000 đồng của H thỏa thuận lãi suất 3.000đồng/1.000.000đồng/01ngày tương đương 109,5%/năm (gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự) mục đích để đầu tư kinh doanh. Đến ngày 08/6/2019, V trả số tiền 100.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi theo thỏa thuận của 134 ngày là 40.200.000 đồng, nhưng V trả 40.000.000 đồng tiền lãi, trong đó: Số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 7.342.466 đồng; Số tiền lãi thu lợi bất chính là 32.657.534 đồng.

Ngày 29/4/2020, Trần Thị V vay số tiền 290.000.000 đồng của H thỏa thuận lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/01ngày tương đương 182,5%/năm (gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự) mục đích đầu tư kinh doanh. Ngày 01/5/2020 Vòng trả số tiền 290.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi theo thỏa thuận của 02 ngày là 2.900.000 đồng, nhưng Vòng trả 4.350.000 đồng tiền lãi, trong đó: Số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 317.808 đồng; Số tiền lãi thu lợi bất chính là 4.032.192 đồng.

Ngày 03/12/2019, Trần Thị V vay số tiền 15.000.000 đồng của H thỏa thuận lãi suất 4.000đồng/1.000.000đồng/01ngày tương đương 146%/năm (gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự) mục đích trả tiền nợ ngân hàng.

Ngày 31/01/2021, Nguyễn Thị H và Trần Thị V thống nhất gặp nhau ở quán Karaoke của gia đình bà Phạm Thị V sinh năm 1992, tại thôn Tân Thành, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang để thống nhất tính tiền V đã vay của H. Hồi 14 giờ 25 phút cùng ngày, khi Trần Thị V trả 5.000.000 đồng số tiền lãi của khoản vay 15.000.000 đồng ngày 03/12/2019, trong đó: Số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 3.493.151 đồng; Số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.506.845 đồng, cho Nguyễn Thị H thì tổ công tác Công an huyện H tiến hành kiểm tra quán Karaoke của gia đình bà Phạm Thị V phát hiện Nguyễn Thị H đang có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự cho Trần Thị V, Tổ công tác Lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Thị H.

Tổng cộng Nguyễn Thị H dùng 2.788.000.000đ (*Hai tỷ bảy trăm tám mươi tám triệu đồng*) cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, tổng số tiền lãi thu được 126.005.000 đồng; trong đó thu lợi bất chính 102.403.904đ (*Một trăm linh hai triệu bốn trăm linh ba nghìn chín trăm linh tư đồng*), tiền lãi theo quy định 23.601.096 đồng.

Tại Kết luận giám định số 426/QĐ-KTHS ngày 28/4/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận:

1. Chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Thị H tại mặt trước và chữ viết, chữ số, chữ ký tại mặt sau mẫu cần giám định ký hiệu **A1**; chữ số “31-1-2021”, chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Thị H tại góc trên bên trái mẫu cần giám định ký hiệu **A2**; chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Thị H tại góc trên bên trái và chữ số “25-12 25-1=31 23 2875” ở cuối mặt sau mẫu cần giám định ký hiệu **A3**; chữ số tại mục “*Hôm nay, ngày 5 tháng 3 năm 2014*”, “*Thái Hòa, ngày 5 tháng 3 năm 2014*”, chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Thị H dưới mục “**BÊN CHO VAY**” tại mặt trước và chữ viết, chữ số, chữ ký tự tại mặt sau (trừ chữ viết, chữ số “32.000đ/ngày”, “8 x 4 x365 ngày”, “Ngày 31/1/2021”, chữ ký, chữ viết ghi tên Trần Thị V) trên mẫu cần giám định ký hiệu **A4**; chữ “H” tại góc dưới bên phải mẫu cần giám định ký hiệu **A5**; chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Thị H dưới mục “*người nhận*”, chữ “H” tại góc dưới bên phải

trên mẫu cần giám định ký hiệu **A6** với chữ viết, chữ số, chữ ký đứng tên Nguyễn Thị H trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người viết và ký.

2. Chữ viết, chữ số, chữ ký (trừ chữ số “31-1-2021”, chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Thị H tại góc trên bên trái) trên mẫu cần giám định ký hiệu **A2**; chữ viết, chữ số, chữ ký (trừ chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Thị H ở góc trên bên trái và chữ viết, chữ số, chữ ký ở mặt sau) trên mẫu cần giám định ký hiệu **A3**; chữ viết, chữ số, chữ ký ở mặt trước (trừ chữ số tại mục “Hôm nay, ngày 5 tháng 3 năm 2014”, “Thái hòa, ngày 5 tháng 3 năm 2014”, chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Thị H dưới mục “BÊN CHO VAY”) và chữ viết, chữ số “32.000đ/ngày”, “8 x 4 x 365 ngày”, “Ngày 31/1/2021”, chữ ký, chữ viết ghi tên Trần Thị V ở mặt sau mẫu cần giám định ký hiệu **A4**; chữ viết, chữ số, chữ ký (trừ chữ “H” tại góc dưới bên phải) trên mẫu cần giám định ký hiệu **A5**; chữ viết, chữ số, chữ ký (trừ chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Thị H dưới mục “người nhận”, chữ “H” tại góc dưới bên phải và chữ ký, chữ viết ghi tên Đỗ Thúy Hạnh) trên mẫu cần giám định ký hiệu **A6** với chữ viết, chữ số, chữ ký đứng tên Trần Thị V trên các mẫu so sánh ký hiệu M3, M4 là do cùng một người viết và ký.

Tại Kết luận giám định số 584/QĐ-KTHS ngày 27/7/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận:

1. Chữ viết, chữ ký ghi tên Nguyễn Văn T trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 (trừ chữ ký ghi tên Nguyễn Thị H trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 và chữ ký ghi tên Nguyễn Văn T tại góc dưới bên trái mẫu cần giám định ký hiệu A2) với chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Văn T trên mẫu so sánh ký hiệu M15 là do cùng một người viết và ký.

Chữ ký ghi tên Nguyễn Văn T tại góc dưới bên trái trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 không cùng dạng với chữ ký trên mẫu so sánh ký hiệu M15 nên không tiến hành giám định so sánh.

Chữ viết, chữ ký trên mẫu cần giám định ký hiệu A3 với chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Văn T trên mẫu so sánh ký hiệu M15 không phải do cùng một người ký và viết.

2. Chữ ký, chữ viết ghi tên “Nguyễn Thị H L” trên mẫu cần giám định ký hiệu A4, A5 (trừ chữ viết ở mặt sau) với chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Thị H L trên mẫu so sánh ký hiệu M9 là do cùng một người ký và viết.

3. Chữ viết, chữ ký ghi tên Nguyễn Thị H ở góc trên bên phải mặt trước và ở mặt sau trên mẫu cần giám định ký hiệu A5; A6; A9; ở góc trên bên phải mặt trước A10; A11 (chữ phần chữ viết “ngày 26-8-2019...(ba trăm triệu đồng chẵn)” và chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Thị B); A16 (trừ chữ viết “Hôm nay ngày 20/11 ... năm triệu đồng chẵn” và chữ ký, chữ viết ghi tên Đặng Thị S ở mặt trước) A20; A21 (trừ chữ viết và chữ ký ghi tên Lâm Tâm T ở mặt trước); A22 (trừ chữ viết, chữ ký mục màu đen ở mặt sau); A24 (trừ chữ viết, chữ ký ở mặt sau); A26 (trừ chữ viết, chữ ký ở mặt sau); A27 (trừ chữ viết, chữ ký ghi tên Nông Mạnh Hùng, Nông Mạnh Đạt, Trương Bích T ở mặt trước); chữ viết “27-12-2019 Chung 23 rã 1700.000đ” và chữ ký ghi tên Nguyễn Thị H trên mẫu cần giám định ký hiệu A25; chữ viết “đây là nội dung ... với người khác” và chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Thị H trên mẫu cần giám định ký hiệu A29; chữ viết “Ngày 13-3 Vòng trả 10 triệu”, “Trần Thị V trả tiền lãi cho tôi” và chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Thị H trên mẫu cần giám định ký

hiệu A30; chữ số “26-7 ...58751000” ở mặt sau trên mẫu cần giám định ký hiệu A35; chữ “vay 4-4-3 ... 7035”, “4-4 4-5 4-6 Vòng trả 1 tháng lãi” ở mặt sau trên mẫu cần giám định ký hiệu A36; chữ viết, chữ ký trên mẫu cần giám định ký hiệu A38 với chữ viết, chữ ký ghi tên Nguyễn Thị H trên mẫu so sánh ký hiệu M10 là do cùng một người viết và ký.

Chữ ký, chữ viết ghi tên “Nguyễn Thị H” trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3, A4, A7, A8, A12, A13, A14, A15, A17, A18, A19, A23, A28, A31, A32, A33, A37 với chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Thị H trên mẫu so sánh ký hiệu M10 là do cùng một người ký và viết.

4. Chữ viết, chữ ký ghi tên Nguyễn Thị X trên mẫu cần giám định ký hiệu A7, A8 (trừ chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Thị H và Trần Thanh Hải trên mẫu cần giám định ký hiệu A7; chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Thị H trên mẫu cần giám định ký hiệu A8) với chữ viết, chữ ký ghi tên Nguyễn Thị X trên mẫu so sánh ký hiệu M1 là do cùng một người viết và ký.

5. Chữ ký, chữ viết ghi tên Trần Quang T trên mẫu cần giám định ký hiệu A10 (trừ chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Thị H và chữ số ở mặt sau) với chữ viết, chữ ký ghi tên Trần Quang T trên mẫu so sánh ký hiệu M2 là do cùng một người viết và ký.

6. Phần chữ viết “ngày 26-8-2019...(ba trăm triệu đồng chẵn)” và chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Thị B trên mẫu cần giám định ký hiệu A11 với chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Thị B trên mẫu so sánh ký hiệu M3 là do cùng một người viết và ký.

7. Chữ ký, chữ viết ghi tên “Ngô Quang K” dưới mục “NGƯỜI LÀM CHÚNG” trên mẫu cần giám định ký hiệu A12 với chữ ký, chữ viết ghi tên Ngô Quang K trên mẫu so sánh ký hiệu M5 là do cùng một người ký và viết.

8. Chữ viết phần nội dung và chữ ký, chữ viết ghi tên “Bùi Minh Y” dưới mục “BÊN VAY TIỀN” trên mẫu cần giám định ký hiệu A13 với chữ ký, chữ viết ghi tên Bùi Minh Y trên mẫu so sánh ký hiệu M4 là do cùng một người ký và viết.

9. Chữ viết, chữ ký ghi tên Đặng Thị S trên mẫu cần giám định ký hiệu A14, A15 (trừ chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Thị H), A16 (trừ chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Thị H, chữ viết “(Tuần trả 12 triệu) 7-11 12=32 1=30 2=30 3=30 ở mặt trước và chữ viết, chữ số ở mặt sau); chữ viết, chữ ký ở mặt sau mẫu cần giám định ký hiệu A17 (trừ chữ số “25-12 25-1 = 31 23 2875”) với chữ viết, chữ ký đứng tên Đặng Thị S trên mẫu so sánh ký hiệu M12, M13 là do cùng một người viết và ký.

10. Chữ viết, chữ ký ghi tên Trần Thị V trên mẫu cần giám định ký hiệu A17 (trừ chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Thị H và chữ viết, chữ ký ở mặt sau); A28 (trừ chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Thị H); A29 (trừ chữ viết “đây là nội dung ... với người khác” và chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Thị H); A30 (trừ chữ viết “Ngày 13-3 Vòng trả 10 triệu”, “Trần Thị V trả tiền lãi cho tôi” và chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Thị H); A31, A32, A33 (trừ chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Thị H); A34; A35 (trừ chữ số “26-7...58751000” ở mặt sau); A36 (trừ phần chữ “vay 4-4-3...7035”, “4-4 4-5 4-6 Vòng trả 1 tháng lãi”); A37 (trừ chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Thị H và Đỗ Thúy Hạnh tại trang thứ 2; chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Thị H tại trang số 4; chữ viết, chữ ký ghi tên Nguyễn Thị H, chữ “Đã nhận” và chữ ký ghi tên Đỗ Hữu Trí tại trang số 5; chữ “con trai” và chữ ký ghi tên Đỗ Hữu H tại

trang số 7; chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Thị H tại trang số 8) với chữ viết, chữ ký đứng tên Trần Thị V trên mẫu so sánh ký hiệu M14 là do cùng một người viết và ký.

11. Chữ ký, chữ viết ghi tên “Đoàn Thị T” trên mẫu cần giám định ký hiệu A18 với chữ ký, chữ viết ghi tên Đoàn Thị T trên mẫu so sánh ký hiệu M16 là do cùng một người viết và ký.

12. Chữ viết, chữ ký ghi tên Lâm Tâm T trên mẫu cần giám định ký hiệu A19 (trừ chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Thị H), A21 (trừ chữ viết, chữ ký ở mặt sau) với chữ viết, chữ ký đứng tên Lâm Tâm T trên mẫu so sánh ký hiệu M7, M8 là do cùng một người viết và ký.

13. Chữ viết, chữ ký ghi tên “Lê Thị Kim H” dưới mục “NGƯỜI VAY TIỀN” trên mẫu cần giám định ký hiệu A23 với chữ ký, chữ viết ghi tên Lê Thị Kim H trên mẫu so sánh ký hiệu M6 là do cùng một người ký và viết.

14. Chữ ký, chữ viết ghi tên Trịnh Thị H trên mẫu cần giám định ký hiệu A24, A25, A26 với chữ ký, chữ viết ghi tên Trịnh Thị H trên mẫu so sánh ký hiệu M17 là do cùng một người viết và ký.

15. Chữ ký, chữ viết ghi tên “Trương Bích T” trên mẫu cần giám định ký hiệu A27 với chữ ký, chữ viết ghi tên Trương Bích T trên mẫu so sánh ký hiệu M18 là do cùng một người viết và ký.

Tại Kết luận giám định số 959/QĐ-KTHS ngày 27/11/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận:

1. Chữ viết, chữ ký ghi tên Nguyễn Thị H ở mặt trước; chữ ký ghi tên Nguyễn Thị H tại góc trên bên trái và chữ số, chữ viết “11-20 ngày” tại góc dưới bên trái ở mặt sau mẫu cần giám định ký hiệu A1 với chữ ký đứng tên Nguyễn Thị H trên mẫu so sánh ký hiệu M1 là do cùng một người viết và ký.

2. Chữ viết có nội dung “Giấy vay tiền. Hôm nay: 14/10/2019 DL... trước pháp luật”; chữ viết “Người vay” và chữ ký, chữ viết ghi tên Vũ Viết Diễn ở mặt sau mẫu cần giám định ký hiệu A1 với chữ viết, chữ ký đứng tên Vũ Viết Diễn trên mẫu so sánh ký hiệu M1 là do cùng một người viết và ký.

Tại Cáo trạng số 47/CT-VKSHY, ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang, đã truy tố Nguyễn Thị H về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị H đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh và hình phạt: Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho bị cáo hưởng án treo; ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

- Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu lưu hồ sơ các giấy biên nhận vay tiền đang tạm giữ của Nguyễn Thị H; Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 2.763.107.945 đồng của Nguyễn Thị H; Truy thu sung ngân sách Nhà nước của ông Nguyễn Văn T số tiền 30.000.000 đồng; Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 15.000.000 đồng của bà Trần Thị V; Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 3.493.151 đồng đã thu giữ trong quá trình điều tra; Trả lại cho bà Trần Thị V các giấy vay tiền đã tạm giữ của Bà V trong quá trình điều tra và số tiền 1.506.849 đồng; Trả lại cho Nguyễn Thị H số tiền 70.347.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 357, 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự. Buộc Nguyễn Thị H trả cho bà Trần Thị V số tiền 36.689.730 đồng.

Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự có giá ngạch đối với khoản tiền bị cáo phải trả cho Bà V và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo, không có ý kiến tranh luận đối với luận tội của Viện kiểm sát. Khi nói lời sau cùng bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình là trái pháp luật, tỏ ra ăn năn hối cải và đề nghị hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất. Bị cáo nhất trí trả cho bà Trần Thị V số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của bà Trần Thị V thông qua việc cho vay lãi nặng thu lời bất chính.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Trần Thị V có mặt tại phiên tòa xác nhận cá nhân bị cáo khai tại phiên tòa là đúng, yêu cầu bị cáo trả lại cho bà số tiền bị cáo đã thu lời bất chính từ việc cho bà vay tiền; Bà V đề nghị được lấy lại các giấy vay tiền bà đã giao nộp cho Công an và số tiền 1.506.849 đồng nằm trong tổng số tiền 5.000.000 đồng Cơ quan điều tra thu giữ khi bắt quả tang đối với bị cáo H. Đồng thời bà cũng yêu cầu bị cáo phải trả cho bà số tiền 36.689.730 đồng, là số tiền bị cáo thông qua cho vay lãi nặng thu lời bất chính của bà. Bà xác nhận bà còn nợ của bị cáo số tiền 15.000.000 đồng, là tiền gốc bà vay của bị cáo chưa trả.

Ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt và ý kiến xác nhận trong đơn, ông Tuấn có nợ bị cáo số tiền 30.000.000 đồng là nợ gốc chưa trả. Đồng thời, ông cũng xác nhận đã nhận lại số tiền 10.028.000 đồng là tiền bị cáo thu lời bất chính của ông thông qua việc cho vay lãi nặng, ông không có ý kiến hay có yêu cầu nào khác.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt đều xác nhận đã nhận lại số tiền bị cáo thu lời bất chính của họ, họ đã trả hết tiền vay gốc cho bị cáo và không còn liên quan gì, họ không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng

hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, thực hiện việc xét hỏi, tranh tụng đúng quy định tại các Điều 289, 306, 315, 320, 321, 322 của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ lời khai của bị cáo, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa; căn cứ vật chứng thu giữ được cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Các tài liệu, chứng cứ hoàn toàn phù hợp và đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ ngày 23/01/2019 đến ngày 31/01/2021, trên địa bàn huyện H, tỉnh Tuyên Quang, Nguyễn Thị H đã có hành vi cho 15 người vay tiền, thu lãi gấp 05 lần trở lên mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, cụ thể: **(1)** Từ ngày 23/01/2019 đến ngày 25/01/2019, Nguyễn Thị H cho Nguyễn Thị X vay 400.000.000 đồng lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính 2.561.644 đồng. **(2)** Từ ngày 30/5/2019 đến ngày 05/06/2019, Nguyễn Thị H cho Ngô Quang K vay 350.000.000 đồng lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính 1.599.315 đồng. **(3)** Từ ngày 16/8/2019 đến ngày 24/10/2019, Nguyễn Thị H cho Trần Quang T vay 50.000.000 đồng lãi suất 146%/năm, gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính 11.136.986 đồng. **(4)** Từ ngày 26/8/2019 đến ngày 28/8/2019 Nguyễn Thị H cho Nguyễn Thị B vay 300.000.000 đồng lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính 1.171.233 đồng. **(5)** Từ ngày 14/10/2019 đến ngày 24/10/2019, Nguyễn Thị H cho Vũ Viết Diễn vay 20.000.000 đồng lãi suất 146%/năm, gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính 770.411 đồng. **(6)** Từ ngày 31/10/2019 đến ngày 01/11/2019, Nguyễn Thị H cho Trịnh Thị H vay 160.000.000 đồng lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính 712.329 đồng. **(7)** Từ ngày 01/11/2019 đến ngày 19/11/2019, Nguyễn Thị H cho Đặng Thị S vay 25.000.000 đồng lãi suất 146%/năm, gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính 1.653.425 đồng. Từ ngày 25/12/2019 đến ngày 16/01/2020, Nguyễn Thị H cho Đặng Thị S vay 25.000.000 đồng lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính 2.573.630 đồng. **(8)** Từ ngày 07/11/2019 đến ngày 06/3/2020, Nguyễn Thị H cho Nguyễn Văn T vay 30.000.000 đồng lãi suất 146%/năm, gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính 10.027.397 đồng. **(9)** Từ ngày 21/11/2019 đến ngày 24/11/2019, Nguyễn Thị H cho Bùi Minh Y vay 400.000.000 đồng lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính 5.342.466 đồng. **(10)** Từ ngày 02/12/2019, đến ngày 03/12/2019, Nguyễn Thị H cho Đoàn Thị T vay 160.000.000 đồng lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính 862.329 đồng. **(11)** Từ ngày 24/01/2020 đến ngày 28/01/2020, Nguyễn Thị H cho Nguyễn Thị H L vay 198.000.000 đồng lãi suất 146%/năm, gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính 766.028 đồng. **(12)** Từ ngày 03/5/2020 đến ngày 03/7/2020, Nguyễn Thị H cho Lê Thị Kim H vay 20.000.000 đồng lãi suất 146%/năm, gấp 7,3 lần mức lãi suất

cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính 4.131.507 đồng. **(13)** Từ ngày 19/6/2020 đến ngày 19/11/2020, Nguyễn Thị H cho Lâm Tâm T vay 45.000.000 đồng lãi suất 146%/năm, gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính 17.227.397 đồng. **(14)** Từ ngày 07/12/2020 đến ngày 10/12/2020, Nguyễn Thị H cho Trương Bích T vay 200.000.000 đồng lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính 3.671.233 đồng. **(15)** Từ ngày 25/01/2019 đến ngày 08/6/2019, Nguyễn Thị H cho Trần Thị V vay 100.000.000 đồng lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính 32.657.534 đồng. Từ ngày 29/4/2020 đến ngày 01/5/2020, Nguyễn Thị H cho Trần Thị V vay 290.000.000 đồng lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự thu lợi bất chính 4.032.192 đồng. Từ ngày 03/12/2019 đến ngày 31/01/2021, Nguyễn Thị H cho Trần Thị V vay 15.000.000 đồng lãi suất 146%/năm, gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính 1.506.849 đồng. Tổng cộng Nguyễn Thị H dùng **2.788.000.000đ** (*Hai tỷ bảy trăm tám mươi tám triệu đồng*) cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, thu lợi bất chính **102.403.904đ** (*Một trăm linh hai triệu bốn trăm linh ba nghìn chín trăm linh tư đồng*).

Hành vi thực hiện giao dịch dân sự cho người khác vay tiền với mức lãi suất cao quá mức quy định (gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự) thu lợi bất chính số tiền 102.403.904 đồng mà bị cáo thực hiện đã phạm vào tội *Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo như nội dung Cáo trạng là hoàn toàn đúng người, đúng tội, có căn cứ, không oan.

Hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ; ảnh hưởng đến an ninh kinh tế, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân về chính sách quản lý kinh doanh tiền tệ của Nhà nước. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, có trình độ học vấn và sự va chạm xã hội nhất định. Nhưng vì vụ lợi bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội; thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xét thấy cần áp dụng hình phạt tù mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện; bị cáo phạm tội lần này là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã có ý thức tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, cần áp dụng để xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo, thể hiện sự khoan H của pháp luật đối với người phạm tội.

Xét thấy bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa vi phạm pháp luật lần nào, phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định của pháp luật. Nên cho bị cáo hưởng án treo, cải tạo tại địa phương; giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để

giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách của án treo bị cáo có nghĩa vụ chấp hành những quy định của pháp luật nói chung và Luật thi hành án hình sự nói riêng.

Mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội có thu lời bất chính số tiền lớn, cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện H.

[6] Về phần trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo đã bồi hoàn cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền bị cáo thu lời bất chính thông qua việc bị cáo cho họ vay lãi nặng, cụ thể: Trả cho Lâm Tâm T số tiền 17.228.000 đồng, Nguyễn Thị X 2.562.000 đồng, Trần Quang T số tiền 11.137.000 đồng, Vũ Việt Diễm 771.000 đồng, Đặng Thị S số tiền 4.228.000 đồng, Đoàn Thị T số tiền 862.329 đồng, Trương Bích Thủy số tiền 3.672.000 đồng, Nguyễn Văn T số tiền 10.028.000 đồng, Bùi Minh Y số tiền 5.343.000 đồng, Trịnh Thị H số tiền 713.000 đồng, Nguyễn Thị H L số tiền 767.000 đồng, Ngô Quang K số tiền 1.600.000 đồng, Lê Thị Kim H số tiền 4.131.507 đồng, Nguyễn Thị B số tiền 1.171.233 đồng. Tổng số tiền bị cáo đã bồi hoàn là 64.214.069đ (*Sáu mươi tư triệu hai trăm mười bốn nghìn không trăm sáu mươi chín đồng*). Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận đủ tiền không yêu cầu bị cáo bồi hoàn thêm khoản tiền nào khác, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về nội dung này.

Đối với số tiền bị cáo thu lời bất chính từ việc cho bà Trần Thị V vay lãi nặng 36.689.730 đồng, bị cáo chưa hoàn trả cho Bà V, Bà V yêu cầu bị cáo hoàn trả, nên cần buộc bị cáo phải trả cho Bà V theo quy định. Nếu bị cáo chậm trả tiền bị cáo phải chịu lãi suất theo quy định.

[7] Xử lý vật chứng: Đối với toàn bộ số vật chứng Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H đã thu giữ chưa trả lại trong quá trình điều tra cần xử lý như sau: Đối với các giấy biên nhận tiền và sổ ghi chép việc cho vay lãi nặng của bị cáo Nguyễn Thị H cần tịch thu lưu theo hồ sơ vụ án.

Đối với số tiền 2.763.107.945đ (*Hai tỷ bảy trăm sáu mươi ba triệu một trăm linh bảy nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng*) của Nguyễn Thị H (Trong đó: 2.743.000.000 đồng là tiền của bị cáo sử dụng để cho vay lãi nặng; 20.107.945 đồng là tiền lãi tương ứng lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà bị cáo đã thu của những người vay). Số tiền này cần truy thu của bị cáo Nguyễn Thị H để sung ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 30.000.000 đồng, là số tiền gốc bị cáo cho ông Nguyễn Văn T vay lãi nặng, ông Tuấn chưa trả cho bị cáo cần truy thu của ông Tuấn để sung ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 15.000.000 đồng, là số tiền gốc bị cáo cho bà Trần Thị V vay lãi nặng, Bà V chưa trả cho bị cáo cần truy thu của Bà V để sung ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 5.000.000 đồng thu giữ khi bắt quả tang bị cáo, cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 3.493.151 đồng; trả lại cho bà Trần Thị V số tiền 1.506.849 đồng.

Đối với số tiền 70.347.000 đồng đã thu giữ cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với các giấy vay tiền do bà Trần Thị V tự nguyện giao nộp phục vụ công tác điều tra, Bà V có ý kiến xin lại cần trả lại cho Bà V.

[8] Đối với Đỗ Hữu Trí (cH Nguyễn Thị H) có tên trong biểu mẫu “GIẤY BIÊN NHẬN VAY TIỀN” mà H đã chuẩn bị sẵn và đưa cho những người vay tiền tự viết khi vay tiền. Quá trình điều tra những người vay tiền đều xác định Đỗ Hữu Trí không tham gia vào hoạt động cho vay tiền và Đỗ Hữu Trí không biết việc H cho vay tiền với lãi suất cao, cũng không ký tên vào các “GIẤY BIÊN NHẬN VAY TIỀN”, nên không có căn cứ xử lý.

Đối với Đỗ Thúy Hạnh và Đỗ Hữu H (các con của Nguyễn Thị H): khi Huân nhận số tiền lãi của những người vay lãi nặng hộ H, không biết những khoản tiền đó liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng của H và ngày 31/01/2021 Hạnh đi cùng H đến quán Karaoke của gia đình bà Phạm Thị V Hạnh không biết H cho vay lãi nặng nên không có căn cứ xử lý.

Đối với Ngô Minh Hoạt, sinh năm 1989, thường trú tại thôn Đồng Chùa, xã T, huyện H, Nguyễn Thị H khai số tiền 100.000.000 đồng cho Trần Thị V vay ngày 25/01/2019, do H vay của Ngô Minh Hoạt với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương đương 109,5%/năm (gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự). Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã áp dụng các biện pháp điều tra nhưng ngoài lời trình bày của H không có tài liệu, chứng cứ nào khác thể hiện việc ông Hoạt cho bị can H vay 100.000.000 đồng với lãi suất 109,5%/năm, nên không có căn cứ xử lý.

Quá trình điều tra xác định, trong khoảng thời gian từ ngày 05/3/2014 đến ngày 09/10/2017, Nguyễn Thị H đã cho Trần Thị V vay tiền 08 lần khác với lãi suất từ 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương đương 109,5%/năm đến 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương 146%/năm, tổng số tiền đã cho vay là 313.000.000 đồng, thu 238.100.000 đồng tiền lãi. Từ ngày 16/3/2014 đến ngày 21/5/2014, Nguyễn Thị H cho Đinh Thị Dung, sinh năm 1970, trú tại thôn Đồng Chùa, xã T, huyện H vay tiền 06 lần với tổng số tiền 298.000.000 đồng, với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương đương mức lãi suất 109,5%/năm; tổng số tiền lãi đã trả đến ngày 16/9/2014 là 139.230.000 đồng. Ngày 16/9/2014, H và bà Dung thỏa thuận cộng tất cả các khoản vay nêu trên của bà Dung và 2.000.000 đồng bà Dung trả nợ hộ bà Sầm Thị Loan, sinh năm 1963, trú tại thôn Cây Chanh 1, xã Đ, huyện H, tỉnh Tuyên Quang thành một khoản vay 300.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Sau khi cộng dồn các khoản vay của bà Dung thì bà Dung trả lãi 02 tháng cho bị can H với số tiền 54.000.000 đồng. Thời điểm này Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đang có hiệu lực thi hành, nên hành vi của Nguyễn Thị H không cấu thành tội Cho vay lãi nặng theo quy định tại Điều 163 Bộ luật Hình sự năm 1999 (*sửa đổi, bổ sung năm 2009*). Đối với giấy vay nợ 780.000.000 đồng, bà Dung khai tờ giấy thể hiện việc bà vay 780.000.000 đồng do bị can H yêu cầu bà viết để ràng buộc bà trả lãi của khoản nợ 300.000.000 đồng. Ngoài lời khai của bà Dung không có tài liệu chứng cứ khác để chứng minh nên không có căn cứ để xử lý đối với Nguyễn Thị H về khoản vay này.

Quá trình điều tra xác định những người gồm: Tống Thị Xuyên, sinh năm 1984; Bàn Văn Thông, sinh năm 1980; Lương Văn Giới, sinh năm 1992, cùng trú tại thôn Cây Vải, xã T; Nguyễn Thị Chanh, sinh năm 1983, thường trú tại thôn Làng Mãn 2, xã T; Nguyễn Mạnh Hùng, sinh năm 1981, thường trú tại thôn Tân Khoa, xã T; Lê Văn Phương, sinh năm 1968 và Cù Thị Nguyệt, sinh năm 1971, cùng trú tại thôn Cây Chanh 1, xã Đ; Đinh Đức Vượng, sinh năm 1984, thường trú tại thôn Cây Chanh 2, xã Đ; Nguyễn Văn Việt, sinh năm 1975, thường trú tại thôn Tân Lập, xã Đ; Phạm Thị Thu, sinh năm 1975, thường trú tại thôn Bình Minh, xã Đ; Trần Thị Thu Hạnh, sinh năm 1982, thường trú tại thôn Ao Sen 2, xã Đ; Tống Thị Hiền, sinh năm 1977 thường trú tại thôn Ao Vệ, xã T; Đinh Thị Dung, sinh năm 1970, thường trú tại thôn Đồng Chùa, xã T khai đã vay tiền của bị can H với lãi suất từ 3.000 đồng đến 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Tuy nhiên, ngoài lời khai của những người vay tiền, không có tài liệu, chứng cứ khác chứng minh bị can H đã cho những người trên vay tiền với lãi suất gấp 05 lần trở lên mức lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự nên không có căn cứ để xử lý đối với bị can H về các khoản vay này.

[9] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự có giá ngạch đối với khoản tiền phải bồi hoàn; bị cáo, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội *Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị H **08 (Tám)** tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **01 (Một)** năm **04 (Bốn)** tháng; thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 27/7/2022.

Phạt tiền 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*).

Giao bị cáo Nguyễn Thị H cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”

(Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, 92 của Luật thi hành án hình sự)

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 357, 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị H trả cho bà Trần Thị V số tiền 36.689.730đ (*Ba mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm ba mươi đồng*).

“Đối với khoản tiền phải hoàn trả, trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên có nghĩa vụ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.”

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ các Điều 47, 48 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu lưu hồ sơ các giấy biên nhận tiền và sổ theo dõi đã tạm giữ của bị cáo Nguyễn Thị H (*Tình trạng vật chứng thể hiện như Bản kê vật chứng kèm theo Biên bản giao, nhận hồ sơ vụ án ngày 05/7/2022 giữa Viện kiểm sát nhân dân huyện H và Toà án nhân dân huyện H*).

Trả lại cho bà Trần Thị V các giấy vay tiền do Bà V tự nguyện giao nộp để phục vụ công tác điều tra (*Tình trạng vật chứng thể hiện như Bản kê vật chứng kèm theo Biên bản giao, nhận hồ sơ vụ án ngày 05/7/2022 giữa Viện kiểm sát nhân dân huyện H và Toà án nhân dân huyện H; sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật Toà án nhân dân huyện H sẽ bàn giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện H để thi hành*).

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 3.493.151đ (*Ba triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn một trăm năm mươi mốt đồng*). Là số tiền nằm trong số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) thu giữ khi bắt quả tang bị cáo.

Trả lại cho bà Trần Thị V số tiền 1.506.849đ (*Một triệu năm trăm linh sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng*). Là số tiền nằm trong số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) thu giữ khi bắt quả tang bị cáo.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị H số tiền 70.347.000đ (*Bảy mươi triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*), nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(*Toàn bộ số tiền 75.347.000đ (Bảy mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã chuyển vào tài khoản tạm giữ của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H tại Kho bạc Nhà nước huyện H theo Ủy nhiệm chi ngày 14/7/2022*)

Truy thu của bị cáo Nguyễn Thị H số tiền 2.763.107.945đ (*Hai tỷ bảy trăm sáu mươi ba triệu một trăm linh bảy nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng*) để sung ngân sách Nhà nước.

Truy thu của ông Nguyễn Văn T số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) để sung ngân sách Nhà nước.

Truy thu của bà Trần Thị V số tiền 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*) để sung Ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị H phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thị H phải nộp 1.834.486đ (*Một triệu tám trăm ba mươi tư nghìn bốn trăm tám mươi sáu đồng*) án phí dân sự có giá ngạch.

Bị cáo Nguyễn Thị H, bà Trần Thị V có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người có quyền lợi nghĩa vụ

liên quan khác, vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Thiết – Phan Thị Bích

Lương Thanh Huyền

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND h.Hàm Yên;
- Công an h.Hàm Yên;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS h.Hàm Yên;
- Thi hành án hình sự;
- UBND xã T, h.Hàm Yên;
- Bị cáo;
- Những người có QLNVLQ;
- Lưu HS.

Lương Thanh Huyền

